

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Tòa nhà Plaschem Tower-số 562 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội.

Tel: (84 - 4) 3877 0742 Fax: (84 - 4) 3873 3648

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BCTC HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thép Bắc Việt được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/03/2000. Sau đó được chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 4 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bốn ngày 16 tháng 06 năm 2014 thì vốn điều lệ của Công ty là: **97.509.480.000 VND** (Bằng chữ: *Chín mươi bảy tỷ, năm trăm lẻ chín triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng*).

Khái quát chung về các Công ty con của Công ty:

1.	Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 210400007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 22/12/2005.
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300342329 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 23/07/2008.
3.	Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0803000490 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 15/12/2008.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Buôn bán kim loại và quặng kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Đại lý, môi giới, đấu giá; Sản xuất kim loại; Sản xuất khung nhà kho bằng thép; sản xuất các kết cấu kiện thép cho xây dựng;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe; Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất động cơ, tua bin; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Buu chính; Chuyển phát;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí Thi công lắp đặt các công trình cấp thoát nước.
(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

Địa chỉ: Tòa nhà Plaschem Tower-số 562 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội.

Tel: (84 - 4) 3877 0742 Fax: (84 - 4) 3873 3648

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Trí	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Thành viên
Ông Đặng Đức Dũng	Thành viên
Ông Lê Quốc Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Anh Vương	Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Phó giám đốc
Ông Lê Văn Cường	Phó giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2014 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 01/01/2014 đến 30/06/2014.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT



Trần Anh Vương

Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2014



Số: ~~609~~ 14/BCHN-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2014

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 được lập ngày 16 tháng 08 năm 2014 của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 33 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc phỏng vấn các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Với những tài liệu mà Công ty CP Công nghệ Bắc Việt cung cấp chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng nhằm đưa ra ý kiến về số dư khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm tại thời điểm 31/12/2013 với giá trị 35.079.234.123 đồng và tại thời điểm 30/06/2014 với giá trị 32.520.525.356 đồng. Đồng thời, Công ty chưa cung cấp được các bằng chứng làm căn cứ xác định giá vốn các mặt hàng khuôn đã kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong năm 2013 với giá trị là 7.093.593.871 đồng và giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 với giá trị là 1.345.774.814 đồng.

Tại thời điểm 31/12/2013, Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn chưa được Công ty kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh là 5.339.857.879 đồng; Lãi vay vốn hóa chưa phù hợp là 583.347.918 đồng, trích khấu hao thiếu vào chi phí với giá trị 482.479.667 đồng; chưa trích lập dự phòng công nợ quá hạn thanh toán là 1.623.472.146 đồng. Trong kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014, Công ty chưa phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh với giá trị 808.857.373 đồng; Công ty thay đổi thời gian khấu hao của hầu hết các tài sản cố định đã làm giảm đi với giá trị 743.157.700 đồng; chưa hạch toán vào chi phí lãi phạt chậm nộp tiền Bảo hiểm xã hội 225.454.489 đồng. Nếu công ty ghi nhận và kết chuyển các khoản chi phí nêu trên để xác định kết quả hoạt động kinh doanh thì lợi nhuận năm 2013 và kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 sẽ giảm tương ứng.

Tại thời điểm 01/01/2014 đến 30/06/2014 Ban giám đốc Công ty chưa xác định được lãi lỗ của Công ty liên doanh liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu của Công ty CP Thương mại Bắc Việt và Công ty CP thương mại đầu tư và Công nghệ Hưng Việt. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của các khoản liên doanh liên kết đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 của Công ty.

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2012 và năm 2013 đã có ý kiến ngoại trừ do giới hạn về mặt bằng chứng đối với việc ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính 27.456.730.000 đồng tăng phải thu khác 48.000.000.000 đồng, giảm khoản đầu tư vào công ty con 20.543.270.000 đồng từ việc chuyển nhượng 2.000.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần kim khí Bắc Việt cho Ông Nguyễn Văn Mừng. Trong công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 Ban giám đốc Công ty không cung cấp thêm cho Chúng tôi các bằng chứng kiểm toán để lượng hóa ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ nêu trên. Ngoài ra Ban giám đốc Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu quá hạn với khoản công nợ trên. Theo đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 01/01/2014 đến 30/06/2014 của Công ty.

Báo cáo kiểm toán tài chính năm 2013 đã có ý kiến ngoại trừ do giới hạn về việc các Công ty trong cùng Tập đoàn giao dịch mua bán tài sản cố định. Theo đó ảnh hưởng của các giao dịch này đến Báo cáo tài chính được trình bày tại thuyết minh mục 4.1 phần IV của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoài các vấn đề nêu trên chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo sau đây không phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày trên Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành tám (08) bản bằng tiếng Việt và tám (08) bản bằng tiếng Anh. Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt giữ 07 bản tiếng Việt và 07 bản tiếng Anh, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Ngọc Toán
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1

Ngô Bá Duy
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		239.414.907.096	221.610.173.708
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.384.980.796	4.911.477.361
1 Tiền	111	V.1.	5.384.980.796	4.911.477.361
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		104.879.488.594	109.921.625.523
1 Phải thu của khách hàng	131		57.311.735.750	64.266.458.989
2 Trả trước cho người bán	132		3.080.740.104	796.707.183
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	49.283.653.291	49.671.081.007
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.796.640.551)	(4.812.621.656)
IV Hàng tồn kho	140		120.180.659.484	103.070.158.449
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	120.381.162.510	103.270.661.475
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(200.503.026)	(200.503.026)
V Tài sản ngắn hạn khác	150		8.969.778.222	3.706.912.375
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.062.891.488	1.492.076.013
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.768.893.859	413.653.020
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.13	36.872.872	36.872.872
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.1	5.101.120.003	1.764.310.470
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		195.907.308.226	204.884.083.133
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		167.382.459.093	171.313.239.151
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.4.	153.342.155.187	158.266.689.601
- Nguyên giá	222		226.208.731.939	225.673.564.791
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.866.576.752)	(67.406.875.190)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.5.	4.497.416.840	4.555.252.244
- Nguyên giá	228		5.906.495.390	5.906.495.390
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.409.078.550)	(1.351.243.146)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6.	9.542.887.066	8.491.297.306
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.7	16.172.019.351	19.312.455.962
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		11.803.775.355	14.944.211.966
3 Đầu tư dài hạn khác	258		4.368.243.996	4.368.243.996
V Tài sản dài hạn khác	260		8.162.869.472	9.779.464.930
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	7.962.245.241	9.578.840.699
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		200.624.231	200.624.231
VI Lợi thế thương mại	269		4.189.960.310	4.478.923.090
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		435.322.215.322	426.494.256.841

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của BCTC hợp nhất giữa niên độ này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		366.077.185.937	344.354.694.582
I Nợ ngắn hạn	310		166.310.228.334	142.032.828.289
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9.	70.492.381.208	71.248.145.333
2 Phải trả người bán	312		33.678.357.240	28.804.867.238
3 Người mua trả tiền trước	313		24.525.908.819	6.807.704.016
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.	3.569.484.468	3.903.293.854
5 Phải trả người lao động	315		1.916.259.651	2.528.042.538
6 Chi phí phải trả	316	V.11.	28.252.379.398	24.216.964.291
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12.	3.531.416.475	4.170.769.944
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		344.041.075	353.041.075
II Nợ dài hạn	330		199.766.957.603	202.321.866.293
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.13.	199.766.957.603	201.348.717.384
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		-	973.148.909
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		63.861.841.296	76.480.322.328
I Vốn chủ sở hữu	410	V.14.	63.861.841.296	76.480.322.328
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		97.509.480.000	97.509.480.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		16.503.370.800	16.503.370.800
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		6.719.029.425	6.719.029.425
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1.137.798.402	1.137.798.402
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		150.037.319	150.037.319
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(58.157.874.650)	(45.539.393.618)
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		5.383.188.089	5.659.239.931
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		435.322.215.322	426.494.256.841

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Kế toán trưởng




Tạ Thị Hà

Tạ Thu Hằng



Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của BCTC hợp nhất giữa niên độ này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15.	69.564.149.375	91.805.685.674
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.16.	141.335.049	469.202.889
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.17.	69.422.814.326	91.336.482.785
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.18.	56.115.298.879	74.534.289.804
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13.307.515.447	16.802.192.981
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19.	64.345.425	25.487.444
7 Chi phí tài chính	22	VI.20.	13.318.528.132	17.249.243.356
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		12.447.247.300	16.219.778.799
8 Chi phí bán hàng	24		795.660.331	851.285.228
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.071.547.740	9.885.370.468
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(9.813.875.331)	(11.158.218.627)
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.2	654.215.450	41.880.082.430
12 Chi phí khác	32	VIII.2.3	171.436.382	27.816.829.331
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		482.779.068	14.063.253.099
14 Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(3.140.436.611)	(1.903.341.597)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		(12.471.532.874)	1.001.692.875
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(12.471.532.874)	1.001.692.875
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(5.958.721)	(936.848.729)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(12.465.574.153)	1.938.541.604
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.21.	(1.278)	199

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2014
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Kế toán trưởng

Tạ Thị Hà

Tạ Thu Hằng

Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT
 Q. HAI BÀ TRUNG - TP. HÀ NỘI

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của BCTC hợp nhất giữa niên độ này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		145.609.193.807	238.632.541.214
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(116.584.203.702)	(157.935.148.322)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.044.424.949)	(10.588.108.942)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(7.834.421.844)	(1.768.093.537)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(46.557.907)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20.946.990.774	36.409.553.675
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(24.929.438.066)	(33.999.922.247)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.163.696.020	70.704.263.934
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(149.679.964)	(51.745.286.712)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	10.818.277.125
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.327.210	24.497.005
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(136.352.754)	(40.902.512.582)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	105.750.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		66.028.733.408	105.253.794.719
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(69.655.874.232)	(133.481.076.525)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.627.140.824)	(28.121.531.806)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		400.202.442	1.680.219.546
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1.	4.911.477.361	3.469.444.167
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		73.300.993	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1.	5.384.980.796	5.149.663.713

Người lập

Tạ Thu Hà

Kế toán trưởng

Tạ Thu Hằng

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT



Giám đốc

Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của BCTC hợp nhất giữa niên độ này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thép Bắc Việt được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/03/2000. Sau đó được chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 4 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bốn ngày 16 tháng 06 năm 2014 thì vốn điều lệ của Công ty là: 97.509.480.000 VND (Bằng chữ: Chín mươi bảy tỷ, năm trăm lẻ chín triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại các mặt hàng sắt thép, kim khí xây dựng cơ bản và gia công sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép kết cấu thép...

3. Ngành nghề kinh doanh

- Buôn bán kim loại và quặng kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
 - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Đại lý, môi giới, đấu giá; Sản xuất kim loại; Sản xuất khung nhà kho bằng thép; sản xuất các kết cấu kiện thép cho xây dựng;
 - Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
 - Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe; Sản xuất máy thông dụng khác;
 - Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất động cơ, tua bin; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bru chính; Chuyên phát;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
 - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí Thi công lắp đặt các công trình cấp thoát nước.
- (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

Địa chỉ: Tòa nhà Plaschem Tower-số 562 Nguyễn Văn Cừ, Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội.

Tel: (84 - 4) 3877 0742 Fax: (84 - 4) 3873 3648

4. Danh sách các công ty con được hợp nhất của Công ty

- Số lượng công ty con: 3 công ty
- Số lượng công ty con được hợp nhất: 3 công ty

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

1.	Công ty TNHH Kết Cấu Thép Bắc Việt	Địa chỉ: xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
2.	Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	Địa chỉ: Thôn Tô Hiệu, Đông Quang, Đông Hưng, Thái Bình Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,12% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,12%
3.	Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Địa chỉ: xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 89,47% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 89,47%

5. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong BCTC hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

1.	Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt	Địa chỉ: Số 109/53 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội Tỷ lệ phần sở hữu: 34% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 34%
2.	Công ty CP Thương mại Đầu tư và Công nghệ Hưng Việt	Địa chỉ: A14, Khu Công Đoàn Vông Thị, Tây Hồ, Hà Nội Tỷ lệ phần sở hữu: 25% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25%
2.	Công ty TNHH Nippon Steel & Sumikin Metal Products Việt Nam	Địa chỉ: xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh Tỷ lệ phần sở hữu: 24% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 24%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/06/2014 tại thuyết minh số VI.23.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Misa.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ****Các công ty con**

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty mà Công ty nắm giữ trực tiếp trên 50% vốn cổ phần trở lên tại ngày 30/06/2014. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Các công ty liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số". Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con. Riêng đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt và Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Công nghệ Hưng Việt chưa xác định được lãi, lỗ trong kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/01/2014.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo hợp nhất, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập xuất.

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Phương pháp kê khai thường xuyên.

- *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

Tại thời điểm 30/06/2014, do giá trị thuần có thể thực hiện được của một số hàng hóa, thành phẩm nhỏ hơn giá gốc, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 – Hàng tồn kho, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và thông tư 228/2009/TT - BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá và công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở thời điểm 30/06/2014 lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập cuối năm 2013 nên số chênh lệch lớn hơn được Công ty trích lập bổ sung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**4.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Trong năm 2013, Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt và Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt (là Công ty con của Công ty Cổ phần thép Bắc Việt) bán tài sản cố định cho Công ty Cổ phần Thương Mại Bắc Việt (là Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt) với tổng giá trị là 15.149.000.000 đồng (trong đó Công ty Cổ phần thép Bắc Việt bán thanh lý tài sản với tổng giá trị là 10.033.000.000 đồng, nguyên giá tài sản cố định là 3.768.820.391 đồng, giá trị còn lại chưa khấu hao là 306.622.713 đồng và Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt bán thanh lý tài sản với tổng giá trị bán là 5.116.000.000 đồng, nguyên giá tài sản cố định và công cụ dụng cụ với giá trị lần lượt là 2.314.803.000 đồng và 50.333.333 đồng, giá trị còn lại chưa khấu hao và chưa phân bổ là 1.924.730.941 đồng). Công ty Cổ phần thương mại Bắc Việt đã bán toàn bộ số tài sản trên cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt (là Công ty con Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt) với tổng giá trị là 15.295.000.000 đồng. Do đó, chỉ tiêu lợi nhuận và tài sản cố định trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tăng lên với giá trị là 12.917.646.346 đồng.

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

Nhà cửa vật kiến trúc	6-25
Máy móc, thiết bị	3-13
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6-13
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-20
Tài sản cố định khác	6

4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất có thời hạn 45 năm, phần mềm kế toán Misa và phần mềm quản lý Easy Biz và tài sản cố định vô hình khác.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình.

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

Quyền sử dụng đất	45-48
Phần mềm máy vi tính	4
TSCĐ vô hình khác	5

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty CP Thương mại Bắc Việt, Công ty CP Thương mại đầu tư và Công nghệ Hưng Việt, Công ty TNHH Nippon Steel & Sumikin Metal Products Việt Nam được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Khoản đầu tư dài hạn khác vào Công ty Cổ phần Xây dựng Hanel, Công ty TNHH MTV Lim Royal được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn.

Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư ngắn hạn (dài hạn) giảm xuống thấp hơn giá gốc, Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Tại thời điểm 30/06/2014, đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn Công ty đã trích lập bổ sung (hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp phân bổ lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được phân bổ dần trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích phải phản ánh được ước tính đúng đắn về thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho doanh nghiệp. Thời gian sử dụng hữu ích của lợi thế thương mại được phân bổ 10 năm kể từ ngày được ghi nhận.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí như chi phí lãi vay, chi phí bảo hiểm tài sản, công cụ dụng cụ cần phân bổ, chi phí thuê đất... và chi phí quản lý trong kỳ.

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, kế ước vay và thời gian vay thực tế.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm thép, xà gỗ, kết cấu thép, gia công kết cấu thép, cắt thép, ống thép, khuôn mẫu - nhựa cao cấp và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**14.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

14.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các chi phí thực tế phát sinh để mua sắm và xây dựng dự án Logistic Bắc Ninh và Trường đại học Công nghệ Lý Thái Tổ, xây dựng nhà máy sản xuất kết cấu, cơ khí sản phẩm cho xây dựng công nghiệp, giàn giáo bằng thép ...được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

14.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

14.4 Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất là 10% đối với sản phẩm thép và gia công thép và các sản phẩm khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên thuế suất và thu nhập chịu thuế của từng Công ty trong tập đoàn.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

14.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	272.084.502	786.313.594
Tiền gửi ngân hàng	5.112.896.294	4.125.163.767
Tổng cộng	5.384.980.796	4.911.477.361
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khác	49.283.653.291	49.671.081.007

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Chi cục Thuế tỉnh Bắc Ninh	1.239.298.967	1.239.298.967
Bảo hiểm xã hội huyện Quế Võ	224.348.210	189.400.000
Nguyễn Hữu Báo	63.085.548	68.085.548
Thuế GTGT đầu vào	51.104.650	-
Tòa án Bắc Giang	40.000.000	-
Nguyễn Văn Mìnng (*)	47.520.000.000	47.520.000.000
Công ty CP TM và chuyển phát nhanh Nội bài Bình Dương	5.187.836	-
Công ty TNHH Nippon Steel & Suminkin Metal Products	42.945.219	-
Các đối tượng khác	19.249.959	654.296.492
Dư nợ TK 338	78.432.902	-
Tổng cộng	49.283.653.291	49.671.081.007

(*) Là khoản tiền chuyển nhượng 2.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần kim Khí Bắc Việt từ năm 2011.

3. Hàng tồn kho	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.263.423.991	3.104.678.911
Công cụ, dụng cụ	522.744.390	169.266.949
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	74.249.213.860	61.072.859.510
Thành phẩm	10.688.339.872	16.600.344.640
Hàng hoá	31.657.440.397	22.323.511.465
Cộng giá gốc hàng tồn kho	120.381.162.510	103.270.661.475

(*) Trong tổng số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có 32.520.525.356 đồng là chi phí dở dang của Công ty CP Công nghệ Bắc Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Tòa nhà Plaschem Tower-số 562 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội.

Tel: (84 - 4) 3877 0742 Fax: (84 - 4) 3873 3648

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

Mẫu số B09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Đơn vị tính: VND						
	Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2014		76.389.938.870	123.335.366.321	20.000.725.265	1.961.534.878	3.985.999.457	225.673.564.791
Mua trong kỳ		-	763.581.840	-	-	-	763.581.840
Đầu tư XDCB hoàn thành		32.094.651	-	-	-	-	32.094.651
Tăng khác		-	1.295.185.578	-	5.225.981	-	1.300.411.559
Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán		-	(220.509.343)	-	-	-	(220.509.343)
Giảm khác		(203.723.524)	-	(829.954.246)	-	(306.733.789)	(1.340.411.559)
Số dư ngày 30/06/2014		76.218.309.997	125.173.624.396	19.170.771.019	1.966.760.859	3.679.265.668	226.208.731.939
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2014		19.096.867.331	35.743.594.277	9.982.275.179	1.245.353.221	1.338.785.182	67.406.875.190
Khấu hao trong kỳ		1.952.542.324	4.705.400.510	581.742.403	66.167.764	136.541.444	7.442.394.445
Tăng khác		-	-	522.687.634	54.187.866	92.022.267	668.897.767
Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán		-	(89.072.961)	-	-	-	(89.072.961)
Giảm khác (*)		(895.786.552)	(1.647.034.169)	(19.696.968)	-	-	(2.562.517.689)
Số dư ngày 30/06/2014		20.153.623.103	38.712.887.657	11.067.008.248	1.365.708.851	1.567.348.893	72.866.576.752
Giá trị còn lại							
Số dư ngày 01/01/2014		57.293.071.539	87.591.772.044	10.018.450.086	716.181.657	2.647.214.275	158.266.689.601
Tại ngày 30/06/2014		56.064.686.894	86.460.736.739	8.103.762.771	601.052.008	2.111.916.775	153.342.155.187

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 124.593.572.778 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.231.677.172 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

5. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2014	5.050.655.390	515.840.000	340.000.000	5.906.495.390
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2014	5.050.655.390	515.840.000	340.000.000	5.906.495.390
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2014	495.403.146	515.840.000	340.000.000	1.351.243.146
Khấu hao trong kỳ	57.835.404	-	-	57.835.404
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2014	553.238.550	515.840.000	340.000.000	1.409.078.550
Tại ngày 01/01/2014	4.555.252.244	-	-	4.555.252.244
Tại ngày 30/06/2014	4.497.416.840	-	-	4.497.416.840

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

30/06/2014

01/01/2014

VND

VND

Dự án Logictis Bắc Ninh và công nghệ Lý Thái Tổ	215.207.732	215.207.732
Công trình nhà xưởng công nghệ	3.161.265.146	3.161.265.146
Công trình nhà xưởng công nghiệp Bắc Việt Thái Bình	5.332.163.523	4.815.596.125
Hệ thống Phòng cháy chữa cháy	65.517.591	16.280.000
Hệ thống đường ống thoát nước	57.415.952	56.440.952
Sửa chữa nhà xưởng, nhà vệ sinh	461.570.814	-
Máy nén khí	23.238.957	-
Chi phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu liên kết KCN Quế Võ	226.507.351	226.507.351
Tổng cộng	9.542.887.066	8.491.297.306

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

30/06/2014

01/01/2014

	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phần)	Giá trị (VND)
Đầu tư vào Công ty liên kết		11.803.775.355		14.944.211.966
Công ty Cổ phần Thương Mại Bắc Việt	207.400	4.361.682.963	207.400	4.576.231.645
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư & Công nghệ Hưng Việt	50.000	2.276.258.745	50.000	2.354.888.745
Công ty Nippon Steel & Sumikin	-	5.165.833.647	-	8.013.091.576

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Đầu tư dài hạn khác	-	4.368.243.996	-	4.368.243.996
Công ty Cổ phần Xây dựng Hanel	50.000	1.452.457.000	50.000	1.452.457.000
Công ty TNHH MTV LIM ROYAL	-	2.915.786.996	-	2.915.786.996
8. Chi phí trả trước dài hạn			30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ		2.141.218.871	3.923.746.493	
Chênh lệch đánh giá tỷ giá chưa thực hiện chờ phân bổ		-	78.440.150	
Chi phí quản lý chờ phân bổ		1.694.599.754	-	
Chi phí chờ phân bổ		4.126.426.616	5.576.654.056	
Tổng cộng		7.962.245.241	9.578.840.699	
9. Vay và nợ ngắn hạn			30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
Vay ngắn hạn VND		70.492.381.208	71.248.145.333	
Ngân hàng TMCP Bảo Việt (1)		31.069.000.000	33.730.000.000	
Ngân hàng Indovina -CN Đồng Đa (2)		6.410.000.000	-	
Vũ Hồng Thủy (3)		1.984.927.007	1.889.735.801	
Nguyễn Vũ Giang (3)		715.511.868	681.198.042	
Ngô Thị Thu (3)		771.352.363	529.700.000	
Nguyễn Thị Minh Thủy (3)		105.246.964	40.000.000	
Nguyễn Văn Mừng (3)		1.767.254.272	-	
Các đối tượng khác(3)		4.016.277.734	4.269.632.990	
USD				
Ngân hàng Indovina - PGD Mỹ Đình		-	30.107.878.500	
Ngân hàng Indovina - CN Đồng Đa (4)		23.652.811.000	-	
Tổng cộng		70.492.381.208	71.248.145.333	

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo hợp đồng số 163.2013.HĐTD1/BVB002 ngày 27/11/2013, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo là tiền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền trên đất với tổng giá trị là 28.046.000.000 đồng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải có tổng giá trị là 6.081.000.000 đồng và toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển, quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế của bên B.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

(2) Theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 026/IVBMD-HĐHM/2014 ngày 26/04/2014. Hạn mức vay 30 tỷ đồng, mục đích vay là để tài trợ cho một phần vốn lưu động của Công ty. Thời hạn hết hiệu lực giải ngân là sau ngày 27/04/2015. Thời hạn cho các khoản vay không quá 180 ngày. Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay bằng VND là 10,5%, đối với các khoản vay bằng USD là 5%. Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà xưởng, tài sản gắn liền với đất khác và các máy móc thiết bị của Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt tại Khu Công nghiệp Gia Lễ, Đông Hưng, Thái Bình với tổng giá trị là 47.615.027.997 VND; Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty CP Thép Bắc Việt được hình thành từ nguồn vốn vay Ngân hàng Indovina Chi nhánh Đống Đa; Quyền thuê đất (82.000m²) của Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt tại khu công nghiệp Gia Lễ, Đông Hưng, Thái Bình; Quyền sử dụng 42.350m² đất của Công ty CP Kim khí Bắc Việt tại khu Công nghiệp MP Đình Vũ, Đông Hải, Quận Hải An, khu kinh tế Đình Vũ -Cát Hải, Hải Phòng.

(3) Khoản vay ngắn hạn của cá nhân với lãi suất dao động từ 10% -11,5%.

(4) Theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 026/IVBMD-HĐHM/2014 ngày 26/04/2014. Hạn mức vay 30 tỷ đồng, mục đích vay là để tài trợ cho một phần vốn lưu động của Công ty. Thời hạn hết hiệu lực giải ngân là sau ngày 27/04/2015. Thời hạn cho các khoản vay không quá 180 ngày. Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay bằng VND là 10,5%, đối với các khoản vay bằng USD là 5%. Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà xưởng, tài sản gắn liền với đất khác và các máy móc thiết bị của Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt tại Khu Công nghiệp Gia Lễ, Đông Hưng, Thái Bình với tổng giá trị là 47.615.027.997 VND; Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty CP Thép Bắc Việt được hình thành từ nguồn vốn vay Ngân hàng Indovina Chi nhánh Đống Đa; Quyền thuê đất (82.000m²) của Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt tại khu công nghiệp Gia Lễ, Đông Hưng, Thái Bình; Quyền sử dụng 42.350m² đất của Công ty CP Kim khí Bắc Việt tại khu Công nghiệp MP Đình Vũ, Đông Hải, Quận Hải An, khu kinh tế Đình Vũ -Cát Hải, Hải Phòng.

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế GTGT đầu ra	3.096.188.071	3.668.097.544
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	1.428.111	-
Thuế thu nhập cá nhân	264.506.686	235.196.310
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	190.141.600	-
Các loại thuế khác	17.220.000	-
Tổng cộng	3.569.484.468	3.903.293.854

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. Chi phí phải trả	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí lãi vay phải trả	28.252.379.398	24.158.635.459
Chi phí tiền ăn ca	-	52.360.000
Chi phí điện, điện thoại...	-	5.968.832
Tổng cộng	28.252.379.398	24.216.964.291

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		30/06/2014	01/01/2014
		VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý		44.698.096	44.698.096
Kinh phí công đoàn		636.131.191	595.226.391
Bảo hiểm xã hội, y tế		2.285.568.996	2.337.027.924
Phải trả, phải nộp khác		565.018.192	1.193.817.533
<i>Cục thuế tỉnh Thái Bình</i>		-	93.934.280
<i>Bảo hiểm xã hội Quế Võ</i>		38.800.000	-
<i>Ngô Văn Thành</i>		-	40.000.000
<i>Trần Trọng Nghĩa</i>		-	24.000.000
<i>Phạm Biên Cương</i>		6.020.428	8.124.882
<i>Trần Thế Hoàng Đạt</i>		-	17.131.500
<i>Nguyễn Trọng Tiến</i>		-	29.532.802
<i>Các đối tượng khác</i>		520.197.764	981.094.069
Tổng cộng		3.531.416.475	4.170.769.944
13. Vay và nợ dài hạn	Lãi suất	30/06/2014	01/01/2014
	%/năm	VND	VND
Vay dài hạn		199.766.957.603	201.348.717.384
Vay VND ngân hàng PG - CN Thăng Long (1)	11%	41.917.182.516	41.917.182.516
Vay USD ngân hàng PG - CN Thăng Long(1)	6%	20.226.967.000	20.046.581.000
Vay USD Ngân hàng Indovina - CN Đống Đa (4,75%	38.321.500.358	40.083.646.139
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex(3)	11%	99.301.307.729	99.301.307.729
Tổng cộng		199.766.957.603	201.348.717.384

(1) Khoản vay dài hạn ngân hàng PG là khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 170.107/HĐHM/NH-PN/PGBTL.11 ký ngày 10/05/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ (Theo thông báo cơ cấu số 01/TBCC/2013 ngày 11/11/2013):

(2) Theo Hợp đồng tín dụng số 017/IVBMD-HĐDH/2013 ngày 28/02/2013, hạn mức là 40 tỷ đồng, thời hạn vay: 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ 1 phần việc đầu tư xây dựng nhà xưởng và mua máy móc thiết bị cho dự án "Nhà máy Thép hình và Cơ khí Bắc Việt". Lãi suất vay bằng USD: 6,5% cho 360 ngày, đối với khoản vay bằng VND: 14% cho 360 ngày và các mức lãi suất này sẽ được xem xét điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà xưởng, tài sản gắn liền với đất khác và các máy móc thiết bị của Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt với giá trị: 56.986.163.000 đồng, quyền thuê đất (82.000 m²) của Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt, quyền sử dụng đất của Công ty CP Kim Khí Bắc Việt với giá trị: 19.216.312.500 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

(3) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo 2 hợp đồng:

- Hợp đồng hạn mức số 111.09/HĐTD/TH - PN PGB ngày 23 tháng 12 năm 2009 với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 05 năm, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thuê, nhà xưởng và máy móc thiết bị. Trị giá tài sản thế chấp là: 101.646.000.000 VND.

- Hợp đồng hạn mức số 585.107/HĐTD/TH-PN/PGB11, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ, tài sản thế chấp là máy móc thiết bị nhập khẩu mới 100% có nguồn gốc xuất xứ và được mở LC thanh toán qua PG Bank, tổng trị giá tài sản thế chấp là: 12.027.381.582 VND

- Thông báo cơ cấu số 01/TBCC/2013 ngày 11/11/2013 về việc Cơ cấu nợ cho Công ty CP Công nghệ Bắc Việt. Số tiền vay được cơ cấu từ ngắn hạn sang dài hạn là: 99.301.307.729 VND. Thời gian cơ cấu là 11 năm kể từ năm 2013 - 2014. Lãi suất sau khi cơ cấu là 11%/năm, lãi suất cố định đến hết năm 2014.

14. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	97.509.480.000	16.503.370.800	(35.842.116.526)	78.170.734.274
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	(7.841.083.976)	(7.841.083.976)
Giảm khác	-	-	(1.856.193.116)	(1.856.193.116)
Số dư tại ngày 31/12/2013	97.509.480.000	16.503.370.800	(45.539.393.618)	68.473.457.182
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	(12.465.574.153)	(12.465.574.153)
Giảm khác	-	-	(152.906.879)	(152.906.879)
Số dư tại ngày 30/06/2014	97.509.480.000	16.503.370.800	(58.157.874.650)	55.854.976.150

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

30/06/2014

01/01/2014

VND

VND

Vốn góp nhà nước
Vốn góp của các đối tượng khác

-
97.509.480.000

-
97.509.480.000

Tổng cộng**97.509.480.000****97.509.480.000****c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**Từ 01/01/2014
đến 30/06/2014Từ 01/01/2013
đến 30/06/2013

VND

VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

97.509.480.000

97.509.480.000

Vốn góp đầu kỳ

97.509.480.000

97.509.480.000

Vốn góp tăng trong kỳ

-

-

Vốn góp giảm trong kỳ

-

-

Vốn góp cuối kỳ

97.509.480.000

97.509.480.000

Cổ tức, lợi nhuận đã chia

-

-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

d) Cổ phiếu	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.800.000	9.750.948
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

e) Các quỹ của công ty	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2014
Quỹ đầu tư phát triển	6.719.029.425	-	-	6.719.029.425
Quỹ dự phòng tài chính	1.137.798.402	-	-	1.137.798.402
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	150.037.319	-	-	150.037.319
Tổng cộng	8.006.865.146	-	-	8.006.865.146

Mục đích trích lập các quỹ tại Công ty

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

15. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	69.564.149.375	91.805.685.674
Tổng cộng	69.564.149.375	91.805.685.674

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

16. Các khoản giảm trừ doanh thu	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Giảm giá hàng bán	141.335.049	469.202.889
Tổng cộng	141.335.049	469.202.889
17. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	69.422.814.326	91.336.482.785
Tổng cộng	69.422.814.326	91.336.482.785
18. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ	56.115.298.879	74.534.289.804
Tổng cộng	56.115.298.879	74.534.289.804
19. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.835.137	18.134.005
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.649.196	6.363.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	27.861.092	990.439
Tổng cộng	64.345.425	25.487.444
20. Chi phí tài chính	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí lãi vay	12.447.247.300	16.219.778.799
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.892.425	377.525.661
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	807.492.320	638.048.000
Lãi trả chậm bảo hiểm	16.835.419	13.890.896
Chi phí hoạt động tài chính khác	4.060.668	-
Tổng cộng	13.318.528.132	17.249.243.356
22. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.771.732.342	24.381.798.486
Chi phí nhân công	12.348.938.752	11.952.479.143
Chi phí công cụ dụng cụ	46.677.663	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.500.229.849	7.332.143.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.244.831.253	3.888.482.090

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Chi phí khác bằng tiền	7.355.585.022	4.991.758.247
Tổng cộng	69.267.994.881	52.546.661.042
23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(12.465.574.153)	1.938.541.604
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.750.948	9.750.948
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.278)	199

24. Công cụ tài chính
Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.9 và V.13, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.384.980.796	4.911.477.361
Phải thu khách hàng và phải thu khác	101.798.748.490	109.124.918.340
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.368.243.996	4.368.243.996
Tổng cộng	111.551.973.282	118.404.639.697
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	270.259.338.811	272.596.862.717
Phải trả người bán và phải trả khác	37.209.773.715	32.975.637.182
Chi phí phải trả	28.252.379.398	24.216.964.291
Tổng cộng	335.721.491.924	329.789.464.190

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2014 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 30/06/2014 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	87.700.788.878	50.424.596.500	6.933.235.727	1.502.557.614

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tài cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	37.209.773.715	-	37.209.773.715
Chi phí phải trả	28.252.379.398	-	28.252.379.398
Các khoản vay	70.492.381.208	199.766.957.603	270.259.338.811
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	32.975.637.182	-	32.975.637.182
Chi phí phải trả	24.216.964.291	-	24.216.964.291
Các khoản vay	71.248.145.333	201.348.717.384	272.596.862.717

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên Ban giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.384.980.796	-	5.384.980.796
Phải thu khách hàng và phải thu khác	101.798.748.490	-	101.798.748.490
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	4.368.243.996	4.368.243.996
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.911.477.361	-	4.911.477.361
Phải thu khách hàng và phải thu khác	109.124.918.340	-	109.124.918.340
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	4.368.243.996	4.368.243.996

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.**25. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi trả chậm bảo hiểm	-	13.890.896
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản vay	805.951.320	638.048.000
Lãi vay cá nhân nhập gốc	676.987.381	-
Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ tại nguồn	14.183.634	-
Lãi tiền gửi ngân hàng năm 2013 từ TK 3388 vào kết quả kinh doanh năm 2014	2.507.003	-

VIII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan****1.1 Giao dịch với các bên liên quan**

	Quan hệ với Công ty	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Doanh thu			
Bán hàng cho Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	16.286.812.696	40.240.387.014
Cty TNHH Nippon steel & Sumikin metal products Việt Nam	Công ty liên doanh	7.569.367.617	5.628.073.108
Mua hàng			
Mua hàng của Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	16.315.030.926	49.661.425.098
Mua hàng của Công ty TNHH Nippon steel & Sumikin metal products Việt Nam	Công ty liên kết	9.441.376.009	-
Bán thanh lý tài sản			
Mua hàng của Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên doanh	-	16.727.360.000
Bán tài sản cho Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên doanh	-	25.906.499.698
Vay của			
Nguyễn Văn Mừng	Phó Giám đốc của Công ty con (Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt)	1.723.011.604	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

<i>Lãi vay nhập gốc</i> Nguyễn Văn Mừng	Phó Giám đốc của Công ty con (Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt)	44.242.668	-
1.2 Số dư với các bên liên quan	Quan hệ với Công ty	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản phải thu			
Công ty TNHH Nippon Steel & Sumikin	Công ty liên doanh	40.468.268	692.005.164
Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	2.486.061.930	8.423.111.264
Công ty CP Đầu tư & Xây Dựng Hanel	Đầu tư dài hạn khác	503.504.125	503.504.125
Ông Nguyễn Văn Mừng	Phó Giám đốc của Công ty con (Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt)	47.500.000.000	47.500.000.000
Các khoản phải trả			
Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	10.252.327.470	14.150.782.216
Công ty TNHH Nippon Steel & Sumikin	Công ty liên doanh	2.226.157.978	8.613.243
1.3 Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong năm		Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lương		142.331.124	104.309.420
Tổng cộng		142.331.124	104.309.420
2. Những thông tin khác			
2.1 Tài sản ngắn hạn khác		30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tạm ứng		4.210.132.211	1.237.552.829
Tạ Anh Tuấn		140.000.000	140.000.000
Nguyễn Thị Trinh		37.000.000	-
Trần Anh Vương		840.500.000	385.000.000
Trần Trọng Nghĩa		37.000.000	11.506.250
Nguyễn Hữu Trí		2.165.004.115	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Cao Thanh Tùng	33.000.000	82.500.000
Các đối tượng khác	957.628.096	618.546.579
Các khoản thế chấp, ký quỹ ký cược	890.987.792	526.757.641
Tổng cộng	5.101.120.003	1.764.310.470
2.2 Thu nhập khác	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	137.436.385	41.622.576.823
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	237.000.000
Thu từ xử lý số dư công nợ	-	640.389
Thu nhập khác	516.779.065	19.865.218
Tổng cộng	654.215.450	41.880.082.430
2.3 Chi phí khác	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Giá trị còn lại của TSCĐ đã thanh lý	171.436.382	27.722.100.916
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	43.660.255
Chi phí xử lý số dư công nợ	-	5.173.314
Tiền thuế bị phạt, truy thu	-	1.550.457
Chi phí khác	-	44.344.389
Tổng cộng	171.436.382	27.816.829.331

24. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Người lập

Kế toán trưởng

Tạ Thị Hà

Tạ Thu Hằng



Trần Anh Vương